

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 – 02 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Diệu H, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp Tân An A, xã Tạ An Khuong Đ, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp Tân An A, xã Tạ An Khuong Đ, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Phan Diệu H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Bà Phan Diệu H và ông Nguyễn Văn B chung sống vào năm 1980, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Biên không chung thủy và đánh bà nhiều lần. Mâu thuẫn đã được hòa giải, hàn gắn nhưng ông B không sửa đổi. Bà và ông B đã ly thân khoảng 2 năm nay. Nay bà H xác định không còn tình cảm, không thể chung sống cùng ông B nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

Bà Hiền và ông Biên có 05 con chung gồm: Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1981, Nguyễn Hoàng Ngh, sinh năm 1985, Nguyễn Kiều M, sinh năm 1987, Nguyễn Minh Th, sinh năm 1989 và Nguyễn Trí Th, sinh năm 1991. Con chung đã trưởng thành bà H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H tự thỏa thuận phân chia với ông B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà H xác định bà và ông B không có nợ ai, người khác không ai nợ lại ông, bà.

* *Đối với ông Nguyễn Văn B trình bày:* Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông B không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H thấy rằng: Bà H và ông B chung sống năm 1980 không đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC, VKSNDTC, BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội, trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Cần chú ý là trong trường hợp sau khi quan hệ vợ chồng đã được xác lập họ mới thực hiện việc đăng ký kết hôn, thì quan hệ vợ chồng của họ vẫn được công nhận kể từ ngày xác lập (ngày họ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng), chứ không phải là chỉ được công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn.” Theo điều luật viện dẫn trên thì quan hệ giữa bà H và ông B vẫn được pháp luật thừa nhận là vợ chồng.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, thấy rằng: Bà H cho rằng do ông B không chung thủy, thường đánh bà, bà yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử ông B đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện quan điểm gì về mâu thuẫn mà bà H đặt ra chứng tỏ việc ông B không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà H ly hôn với ông B là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Các con chung của bà H và ông B đã trưởng thành, không ai bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung bà H yêu cầu được tự thỏa thuận phân chia với ông B, không yêu cầu tòa án giải quyết; ông B có thể hiện quan điểm tại biên bản tổng đạt ngày 24/01/2022 là tài sản ông chưa giao lại cho con được nên ông chưa đến Tòa để giải quyết. Xét thấy bà H và ông B không có yêu cầu Tòa án giải quyết việc

phân chia tài sản nên không đặt ra xem xét trong vụ án này. Khi có phát sinh tranh chấp về vấn đề này nếu đương sự có yêu cầu khởi kiện sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

Về các vấn đề khác: Bà H xác định không có; ông Biên không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Diệu H. Cho bà Phan Diệu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Diệu H phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011858 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (bà H đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tà An Khương Đ, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai